

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 559/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8 -2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Y

2. Bà Phan Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TB-TLVA ngày 05 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp AT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh S, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị D có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 22 tháng 02 năm 2018 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh S quen biết nhau và dự định tổ chức lễ cưới nên đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2015. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm

ăn, có lần còn đến nhà chị quậy phá gia đình chị. Do đó, anh chị không tiến hành tổ chức lễ cưới như dự định và chia tay nhau từ năm 2016 đến nay.

Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm và không có khả năng hàn gắn tình cảm với anh S nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn anh Bùi Minh S: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh S, không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Minh S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 12/10/2015. Chị D và anh S có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Minh S là hợp pháp.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Trong quá trình tìm hiểu nhau trước khi về chung sống, chị D phát hiện anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và có lần còn đến nhà chị D gây rối nên chị D và anh S không tổ chức lễ cưới, không chung sống với nhau như dự định và chia tay nhau từ năm 2016 đến nay. Lời trình bày của chị D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, anh Bùi Minh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh S cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị D. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2.1.3] Xét thấy, chị D và anh S đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ các Điều 19 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Minh S không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Bùi Minh S.

- Về con chung: không có.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 26937 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc